

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30/5/2025

V/v “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Phương.

2. Bà Hoàng Thị Diễm Phúc.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trà Thị Mỹ Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 46/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thanh T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Long An; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trương Đình S, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện P, thành phố H; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2024, bản tự khai ngày 31/3/2025 của chị Võ Thị Thanh T, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đã xác định như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Thanh T và anh Trương Đình S quen biết và tìm hiểu nhau trong một thời gian, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 08/8/2008 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ năm 2018 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm và chăm sóc đến nhau nữa, mỗi

người đều có cuộc sống riêng. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị Võ Thị Thanh T xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Đình T1, sinh ngày 06/3/2009 và cháu Trương Đình Ngọc L, sinh ngày 05/8/2012. Hiện nay cháu L đang ở với mẹ, cháu T1 đang ở với ba. Khi ly hôn, chị Võ Thị Thanh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trương Đình Ngọc L cho đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; Giao cháu Trương Đình T1 cho anh Trương Đình S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi, cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị Thanh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/4/2025, anh S trình bày như sau: Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Thanh T và anh Trương Đình S tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 08/8/2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2018 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Nay chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh S thì anh S đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Đình T1, sinh ngày 06/3/2009 và cháu Trương Đình P, sinh ngày 05/8/2012. Anh S đồng ý giao cháu Trương Đình P cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Giao cháu Trương Đình T1 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Trường hợp chị T giao cả hai con chung cho anh S thì anh S vẫn đồng ý. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, anh S xác nhận không có. Đồng thời anh S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại biên bản xác minh ngày 23/4/2025, chính quyền địa phương cung cấp thông tin anh S đăng ký thường trú tại thôn M, xã P, huyện P, thành phố H. Về quan hệ hôn nhân, chị T và anh S có đăng ký kết hôn tại xã H, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 08/8/2008; hiện nay vợ chồng đã sống ly thân; về con chung có 02 người con như chị T trình bày. Ủy ban nhân dân xã P đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, cử cán bộ phối hợp với Tòa án tổng đạt các văn bản nêu trên và tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật.

Để có căn cứ xem xét giải quyết vụ án và xác minh tính xác thực của các tài liệu, chứng cứ do anh S cung cấp, Tòa án cùng cán bộ Tư pháp Ủy ban nhân dân xã P đã tiến hành xác minh lời khai của bà Võ Thị C – là mẹ ruột anh S, hiện đang cư trú cùng địa chỉ với anh S. Bà C xác nhận chữ viết, chữ ký trong các văn bản do anh S gửi đến Tòa án là đúng chữ viết, chữ ký của anh S. Tại biên bản lấy lời khai của bà C ngày 07/5/2025, bà C trình bày bà đã ký nhận và cam kết giao lại ngay tận tay và thông báo qua điện thoại các văn bản tố tụng do Tòa án phối hợp với cán bộ Tư pháp tổng đạt cho anh S và cháu T1. Đồng thời, bà C cũng trình bày cháu T1 cũng có nguyện vọng được sống với anh S.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật về tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, người tiến hành tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng không có vi phạm gì cần kiến nghị khắc phục. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Võ Thị Thanh T. Xử cho chị Võ Thị Thanh T được ly hôn với anh Trương Đình S.

Về con chung: Giao cháu Trương Đình T1, sinh ngày 06/3/2009 cho anh Trương Đình S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; Giao cháu Trương Đình Ngọc L, sinh ngày 05/8/2012 cho chị Võ Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị Thanh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Võ Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trương Đình S đang cư trú tại địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện P, thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Võ Thị Thanh T, bị đơn là anh Trương Đình S, đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Thanh T và anh Trương Đình S chung sống với nhau, đã thực hiện đầy đủ các thủ tục về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, nên được công nhận hôn nhân hợp pháp.

Xét về yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Thanh T, thấy rằng: Theo kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ, lời khai của chị T, anh S, có cơ sở xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ năm 2018 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Từ khi sống ly thân vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Quá trình giải quyết,

anh S cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với chị T. Nhận thấy vợ chồng chị T, anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Võ Thị Thanh T được ly hôn với anh Trương Đình S là đúng quy định pháp luật.

[3] Về con chung và tiền cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ vào lời khai của chị Võ Thị Thanh T và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định vợ chồng chị T và anh S có 02 con chung là cháu Trương Đình T1, sinh ngày 06/3/2009 và cháu Trương Đình Ngọc L, sinh ngày 05/8/2012. Xét thấy, chị T và anh S có công việc và chỗ ở ổn định, hiện cháu T1 đang sống cùng anh S và cháu L đang sống cùng chị T. Để không làm xáo trộn về mặt tâm sinh lý và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T1 cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu L cho chị T trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định với pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị Thanh T và anh Trương Đình S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị Thanh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc Nguyên đơn chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Võ Thị Thanh T, xử cho chị Võ Thị Thanh T được ly hôn với anh Trương Đình S. Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xử giao con chung là cháu Trương Đình T1, sinh ngày 06/3/2009 cho anh Trương Đình S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; Giao cháu Trương Đình Ngọc L, sinh ngày 05/8/2012 cho chị Võ Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi, cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị Thanh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Võ Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002562 ngày 25/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, thành phố H. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP. H;
 - VKSND huyện P;
 - Chi cục THADS huyện P;
 - UBND xã H
- (ĐKKH số: 46, ngày 08/8/2008);
- Các đương sự;
 - Lưu HSVA;
 - Lưu dán án.

